

0.a. Goal

Mục tiêu 4: Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người

0.b. Target

Mục tiêu 4.4: Đến năm 2030, tăng đáng kể số lao động có các kỹ năng phù hợp với nhu cầu thị trường lao động để có việc làm tốt và làm chủ doanh nghiệp (Mục tiêu 4.4 toàn cầu)

0.c. Indicator

Chỉ tiêu 4.4.1 Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo

0.e. Metadata update

tháng 6/2021

1.a. Organisation

Tổng cục Thống kê

1.f. Contact mail

54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

1.g. Contact email

banbientap@gso.gov.vn

2.a. Definition and concepts

Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo là tỷ lệ phần trăm số lao động có việc làm đã qua đào tạo trong tổng số lao động có việc làm trong nền kinh tế.

Số lao động có việc làm đã qua đào tạo bao gồm những người thỏa mãn cả hai điều kiện sau đây:

- Đang làm việc trong nền kinh tế;
- Đã được đào tạo ở một trường hay một sở sở đào tạo chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ thuộc Hệ thống giáo dục quốc dân từ 03 tháng trở lên và đã tốt nghiệp, đã được cấp bằng/chứng chỉ chứng nhận đã đạt một trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ nhất định, bao gồm: Sơ cấp nghề, trung cấp nghề, cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng chuyên nghiệp, đại học và trên đại học (thạc sĩ, tiến sĩ, tiến sĩ khoa học).

2.c. *Classifications*

Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm 31/12/2019)

3.a. *Data sources*

Điều tra lao động và việc làm.

3.b. *Data collection method*

Điều tra Lao động việc làm là điều tra chọn mẫu với cỡ mẫu bảo đảm các ước lượng thống kê cho cấp vùng, thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh theo quý và cho cấp tỉnh theo năm.

- Điều tra chọn mẫu áp dụng phương pháp chọn mẫu phân tầng hai giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Xác định số địa bàn mẫu; phân bố địa bàn mẫu dựa trên danh sách địa bàn mẫu chủ của Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019 tại mỗi tỉnh theo 2 tầng cho khu vực thành thị và nông thôn; thực hiện chọn các địa bàn theo phương pháp xác suất tỷ lệ thuận với quy mô hộ của địa bàn.

+ Giai đoạn 2: Chọn hộ mẫu tại mỗi địa bàn điều tra mẫu được chọn ở giai đoạn 1 theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống.

- Phương pháp thu thập thông tin: Phương pháp phỏng vấn trực tiếp sử dụng phiếu điện tử được cài đặt trên máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh của điều tra viên. Điều tra viên đến từng hộ để hỏi người cung cấp thông tin và ghi đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điện tử.

Mục đích: Thu thập thông tin phản ánh thực trạng nguồn lao động và việc làm nhằm phục vụ yêu cầu quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả và phát triển hợp lý nguồn lực thị trường lao động; phục vụ tính toán các chỉ tiêu thống kê lao động, việc làm được quy định trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia

3.c. *Data collection calendar*

+ Thời điểm để xác định nhân khẩu thực tế thường trú của hộ là 0 giờ ngày 01 của tháng điều tra thu thập thông tin

+ Thời kỳ điều tra là 07 ngày trước thời điểm điều tra, ngoại trừ trường hợp tìm kiếm việc làm thì thời kỳ điều tra là 30 ngày trước thời điểm điều tra.

+ Thời gian thu thập thông tin tại địa bàn là 07 ngày (kể cả thời gian di chuyển), bắt đầu từ ngày 01 của tháng điều tra

3.d. *Data release calendar*

Năm

3.e. *Data providers*

Tổng cục Thống kê

3.f. Data compilers

Tổng cục Thống kê

4.a. Rationale

Chỉ tiêu phản ánh chất lượng nguồn nhân lực tạo tiền đề vững chắc cho việc xây dựng và phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường lao động, góp phần huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Đồng thời, chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng hiện đại, bảo đảm kết nối thị trường lao động trong nước với thị trường lao động của các nước trong khu vực và trên thế giới.

4.c. Method of computation

Method of computation

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo (\%)} = \frac{\text{Số lao động có việc làm đã qua đào tạo}}{\text{Tổng số lao động có việc làm}} \times 100$$

5. Data availability and disaggregation

- Số liệu có sẵn hàng năm từ năm 2010-2019

- Số liệu có đầy đủ hàng năm theo các phân tổ: Giới tính; Trình độ chuyên môn kỹ thuật; Thành thị/nông thôn; Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

(Nguồn công bố: Niên giám thống kê và Kết quả điều tra Lao động việc làm của Tổng cục Thống kê).

6. Comparability/deviation from international standards

Chỉ tiêu này chỉ phản ánh mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam, không so sánh toàn cầu.

7. References and Documentation

- Thông tư số 03/2019/TT-BKHT ngày 22/01/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;

- Kết quả điều tra Lao động việc làm của Tổng cục Thống kê;

- Niên giám Thống kê.
- <https://unstats.un.org/sdgs/metadata/>